## Đề kiểm tra cuối kì 1 Môn Khoa học tự nhiên, lớp 6

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra học kì 1 khi kết thúc nội dung: 17. Đa dạng nguyên sinh vật*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 30% trắc nghiệm, 70% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 3,0 điểm, *(gồm 15 câu hỏi: nhận biết: 10 câu, thông hiểu: 5 câu), mỗi câu 0,2 điểm;*

- Phần tự luận: 7,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm);*

- Nội dung nửa đầu học kì 1: *25% (2,5 điểm).*

- Nội dung nửa học kì sau: *75% (7,5 điểm).*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| ***1. Giới thiệu về KHTN, dụng cụ đo và an toàn thực hành (7 tiết)*** | 1 | **1** |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 1,2 |
| ***2. Các phép đo (9 tiết)*** |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,2 |
| ***3. Các thể của chất***  ***(5 tiết).*** |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0,4 |
| ***4. Oxygen và không khí (3 tiết)*** |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,2 |
| ***5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm(11 tiết).*** |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,2 |
| ***6. Hỗn hợp (6 tiết).*** |  | **2** |  |  |  |  | 1,5 |  | 1,5 | 2 | 1,4 |
| ***7. Tế bào (11 tiết)*** |  | **1** | 1,5 | **2** |  |  |  |  | 1,5 | 3 | 2,6 |
| ***8. Đa dạng thế giới sống (50 tiết)*** |  | **1** |  | **3** | 1 |  |  |  | 1 | 4 | 3,8 |
| **Số câu** | **1** | **10** | **4** | **5** | **1** | **0** | **1,5** | **0** | **5,0** | **15** | **10,00** |
| **Điểm số** | **1,0** | **2,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **7,0** | **3,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**b) Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| ***1. Mở đầu (7 tiết)*** | | | | | | |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành | **Nhận biết** | – Nêu các vai trò của KHTN trong cuộc sống. | **1** | **1** | **C16** | C1 |
| ***2. Các phép đo (10 tiết)*** | | | | | | |
| - Đo chiều dài, khối lượng  và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 3 |  | C2 |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo thời gian.  - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo thời gian khối lượng. |  |  |  |  |
| ***3. Các thể (trạng thái) của chất.*** | | | | | | |
| – Sự đa dạng của chất  – Ba thể (trạng thái) cơ bản của  – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...).  – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. |  | **2** |  | C3,4 |
| ***4. Oxygen và không khí (3 tiết)*** | | | | | | |
| – Một số vật liệu  – Một số nhiên liệu  – Một số nguyên liệu  – Một số lương thực – thực phẩm | **Nhận biết** | – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).  – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.  – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  | 1 |  | C5 |
| ***5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm (11 tiết).*** | | | | | | |
| – Một số vật liệu  – Một số nhiên liệu  – Một số nguyên liệu  – Một số lương thực – thực phẩm | **Nhận biết** | – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất. |  | **1** |  | C6 |
| ***6. Hỗn hợp (6 tiết).*** | | | | | | |
| **- Chất tinh khiết,**  **- hỗn hợp,**  **- dung dịch** | **Nhận biết** | Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết.  – Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch. |  | **2** |  | C7,8 |
| Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. |  | 1 |  | C8 |
|  | **Vận dụng cao** | Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. | **1** |  | C20 |  |
| ***7. Tế bào (11 tiết)*** | | | | | | |
| – Từ tế bào đến mô  – Từ mô đến cơ quan  – Từ cơ quan đến hệ cơ quan  – Từ hệ cơ quan đến cơ thể | **Nhận biết** | **-** Nhận biết được cơ quan của thực vật |  |  |  | C9 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan. | **1** | **1** | C17 | C10 |
| - Nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể |  | 1 |  | C11 |
| - Thông qua hình ảnh cây lạc xác định được hệ cơ quan của thực vật | **1** |  | C18a |  |
| **Vận dụng** | - Thông qua hình ảnh phân biệt được các hệ cơ quan của Thực vật và giải thích | **2** |  | C18bcd  C19b |  |
| ***8. Đa dạng thế giới sống (50 tiết)*** | | | | | | |
| Phân loại thế giới sống  **Sự đa dạng các nhóm sinh vật** | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. |  | **1** |  | C12 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được ví dụ về các loài động vật |  | 3 |  | C13,14,15 |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn. | **1** |  | C19a |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN TAM ĐẢO**  **TRƯỜNG THCS TAM ĐẢO** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  NĂM HỌC 2022 – 2023  **Môn: KHTN 6**  *Thời gian làm bài: 90 phút* |

**I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái đầu của đáp án đúng nhất trong các câu sau:**

**Câu 1.** Hãy cho biết một thế kỉ là bao nhiêu năm?

|  |  |
| --- | --- |
| A. 10 năm | B. 100 năm |
| C. 1 năm | D. 1000 năm |

**Câu 2.** Em hãy cho biết để đo nhiệt độ cơ thể người ta dùng dụng cụ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thước | B. Nhiệt kế |
| C. Cân | D. Đồng hồ |

**Câu 3.** Trường hợp nào sau đây đều là chất?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Muối ăn, xe đạp, đồng | B. Khí oxygen, khí nitrogen, khí carbon dioxide |
| C. Con rùa, cái nồi, áo sơ mi | D. Ngọn núi, cây xanh, vitamin |

**Câu 4.** Trạng thái nào của chất có các hạt chuyển động tự do?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Trạng thái khí | B. Trạng thái lỏng |
| C. Trạng thái rắn | D. Cả 3 trạng thái trên |

**Câu 5.** Khí nào sau đây tham gia vào quá trình quang hợp của cây xanh?

A. Oxygen B. Nitrogen C. Khí hiếm D. Carbon dioxide

**Câu 6.** Nguyên liệu nào sau đây được dùng để sản xuất phấn viết bảng?

A. Đá vôi B. Cát C. Sỏi D. Than đá

**Câu 7.** Hỗn hợp nào sau đây là huyền phù?

A. Nước muối B. Nước phù sa

C. Nước máy D. Nước đường

**Câu 8.** Chất nào sau đây được coi là chất tinh khiết?

A. Khí oxygen B. Nước suối

C. Nước giếng D. Thép

**Câu 9.** Cơ thể sinh vật được cấu tạo từ những đơn vị nhỏ bé, đơn vị đó là?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Các bộ phận trên cơ thể | B. Da, thịt, xương |
| C. Tế bào | D. Nước, các chất hữu cơ, chất khoáng |

**Câu 10.** Trong cơ thể con người, tế bào nào có hình đĩa?

A. Tế bào cơ B. Tế bào thần kinh

C. Tế bào hồng cầu D. Tế bào biểu bì

**Câu 11.** Thành phần nào dưới đây có ở tế bào thực vật mà **không** có ở tế bào động vật?

A. Nhân tế bào B. Lục lạp C. Tế bào chất D. Màng tế bào

**Câu 12.** Trong thế giới sinh vật, hệ thống năm giới sinh vật bao gồm các giới nào sau đây:

A. Thực vật, nấm, côn trùng, tảo, vi khuẩn

B. Hoa, nấm, động vật, rong, vi khuẩn

C. Thực vật, nấm, động vật, động vật nguyên sinh, động vật khởi sinh

D. Thực vật, nấm, động vật, vi khuẩn, virus.

**Câu 13.** Hổ thuộc chi *Felis* và có tên loài là *tigris*, cách viết đúng tên khoa học của hổ là?

A. Felistigris B. *felis tigris* C. *Felis tigris* D. Felis tigris

**Câu 14.** Thế giới sống được phân chia theo các bậc phân loại theo trình tự nhỏ dần là?

A. Giới – ngành – lớp – bộ – họ – chi – loài.

B. Giới – ngành – lớp – bộ – chi – họ – loài.

C. Giới – ngành – bộ – lớp – họ – chi – loài.

D. Giới – bộ – lớp – ngành – họ – chi – loài.

**Câu 15.** Sau hai lần phân chia liên tiếp, từ một tế bào ban đầu sẽ tạo ra số tế bào con là?

A. 3 B. 6 C. 8 D. 4

**II. TỰ LUẬN (7 điểm)**

**Câu 16:** (1,0 điểm)

Trong đợt dịch Covid – 19 vừa qua, nhà bạn Tâm có phát 1 tấn gạo cho một số người nghèo ở nơi bạn ấy sinh sống. Hỏi:

a. 1 tấn gạo là bao nhiêu kilogram ?

b. Nếu đem 1 tấn gạo đó phát cho 50 người thì mỗi người được bao nhiêu kilogram gạo? Biết rằng mỗi người nhận được lượng gạo như nhau?

**Câu 17:** (1,0 điểm)

Hoàn thiện các câu sau đây bằng cách điền các từ, cụm từ thích hợp vào chỗ trống:

a. ………..(1) là lớp màng mỏng nằm bên ngoài tế bào, bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào, đi ra khỏi tế bào.

b. ………..(2) là chất keo lỏng nằm khắp bên trong tế bào, nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

c. ………..(3) là vùng chứa vật chất di truyền, không có màng bao bọc, là trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.

d. ………..(4) là chất di truyền được bao bọc bởi màng, trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.

**Câu 18:** (3 điểm)

a. Đặc điểm nào là đặc điểm cơ bản để phân biệt cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào?

b. Cho các sinh vật sau: Trùng roi, cây bắp cải, cây ổi, con rắn, trùng giày, con báo gấm, con ốc sên, tảo lam, con ngựa vằn, vi khuẩn đường ruột, cây lúa nước, cây dương xỉ. Sắp xếp các sinh vật trên thành hai nhóm: Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào?

c. Viết tên các cấp độ tổ chức cấu tạo nên cơ thể đa bào theo thứ tự từ nhỏ đến lớn?

d. Giải thích vì sao khi rễ cây bị tổn thương thì thân và lá, hoa, quả, cũng kém phát triển. Hiện tượng này được vận dụng như thế nào vào việc chăm sóc cây trồng?

**Câu 19:** (1,5 điểm)

a. So sánh các đặc điểm cơ bản của giới Động vật và giới Thực vật. Hãy nêu tên ít nhất 3 sinh vật thuộc mỗi giới?

b. Sử dụng khóa lưỡng phân để phân loại các sinh vật sau: Cây hoa sen, chim bồ câu, cây lúa, cá chép?

**Câu 20:** (0,5 điểm)

Trong lúc dọn dẹp phòng thí nghiệm phụ thầy mình, bạn Lan lỡ tay làm đổ lọ muối ăn NaCl xuống nền nhà có một ít bụi và cát. Lan nhanh chóng thu dọn nhưng nghĩ tiếc lọ muối dùng để làm thí nghiệm nên Lan suy nghĩ cách làm thế nào để tách muối ăn ra khỏi cát và bụi đây. Em hãy nghĩ cách giúp Lan để thu hồi lại muối nhé?

..........Hết...........

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN TAM ĐẢO**  **TRƯỜNG THCS TAM ĐẢO** | **ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA KỲ I**  NĂM HỌC 2021 – 2022  **Môn: KHTN 6** |

**I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mỗi câu đúng 0,2 điểm | | | | | | | |
| 1.B | 2.B | 3.B | 4.A | 5.D | 6.A | 7.B |  |
| 8.A | 9.C | 10.C | 11.B | 12.C | 13.C | 14.A | 15.D |

**II. TỰ LUẬN (7 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Hướng dẫn chấm** | **Biểu điểm** |
| Câu 16  (1 điểm) | a.  1 tấn = 1000 kg | 0,5 |
| b.  Lượng gạo mà mỗi người nhận được là:  1000 : 50 = 20 (kg) | 0,5 |
| Câu 17  (1 điểm) | a. (1) Màng tế bào  b. (2) Tế bào chất  c. (3) Vùng nhân  d. (4) Nhân | Xác định mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm |
| Câu 18  (3 điểm) | a. Dựa vào số lượng tế bào của cơ thể và chức năng:  - Cơ thể đơn bào: Cấu tạo nên từ một tế bào, tế bào đó thực hiện tất cả các chức năng của cơ thể sống.  - Cơ thể đa bào: Cấu tạo nên từ nhiều tế bào khác nhau, mỗi tế bào có các chức năng nhất định của cơ thể sống. | 0,25  0,25 |
| b.  - Nhóm cơ thể đơn bào: Trùng roi, trùng giày, tảo lam, vi khuẩn đường ruột.  - Nhóm cơ thể đa bào: Cây bắp cải, cây ổi, con rắn, con báo gấm, con ốc sên, con ngựa vằn, cây lúa nước, cây dương xỉ. | 0,25  0,25 |
| c. Các cấp độ tổ chức của cơ thể đa bào theo thứ tự từ nhỏ đến lớn:  Tế bào – Mô – Cơ quan – Hệ cơ quan – Cơ thể | 0,5 |
| d.  - Rễ cây làm nhiệm vụ hút nước và các chất khoáng phục vụ cho quá trình quang hợp ở lá để tạo ra chất hữu cơ nuôi dưỡng lá cũng như các cơ quan khác của cây như rễ, thân, hoa , quả. Vì vậy khi rễ bị tổn thương, nguyên liệu cung cấp cho quang hợp giảm, lượng chất hữu cơ được tổng hợp ít đi. Dẫn đến các cơ quan của cây cũng kém phát triển.  - Như vậy, có sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan của cây trong quá trình thực hiện các quá trình sống. Do đó, trong trồng trọt, để cây sinh trưởng và phát triển tốt, cần chú ý bảo vệ, chăm sóc tốt cho tất cả các cơ quan của cây, đặc biệt là các cơ quan giữ chức năng dinh dưỡng cho cây như rễ, thân và lá, chứ không chỉ chú ý đến một cơ quan nào đó. | 0,75  0,75 |
| Câu 19  (1,5 điểm) | a.  **Giống nhau**  - Là sinh vật nhân thực, cơ thể đa bào   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khác nhau** | Giới động vật | Giới thực vật | | Kiểu dinh dưỡng | Dị dưỡng | Tự dưỡng | | Khả năng di chuyển | Có | Không | | Ví dụ | Cá, tôm, mèo | Lúa, ngô, khoai | | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| b.  1a. Không sống dưới nước – Chim bồ câu  1b. Sống dưới nước – 2  2a. Không phải thực vật – Cá chép  2b. Là thực vật – 3  3a. Kích thước lá nhỏ - Cây lúa  3b. Kích thước lá to – Cây hoa sen | 0,5 |
| Câu 20  (0,5 điểm) | - Hòa tan hỗn hợp vào nước, sử dụng phương pháp lọc ta tách riêng được dung dịch nước muối khỏi cát và bụi.  - Đem dung dịch nước muối đi cô cạn, nước bay hơi, ta thu được muối ăn. | 0,25  0,25 |